VIỆN KSND TỐI CAO **VIỆN KSND TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 82/QĐ-VKSTB	*Thái Bình, ngày 30 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ các Quyết định của Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Số 143/QĐ-VKSTC ngày 29/12/2023 về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi NSNN năm 2024 áp dụng thống nhất trong ngành Kiểm sát nhân dân; Số 145/QĐ-VKSTC ngày 29/12/2023 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Số 01/QĐ-VKSTC ngày 02/01/2024 về việc ủy quyền phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị trong ngành Kiểm sát nhân dân; Số 112/QĐ-VKSTC ngày 13/9/2024 về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024; Số 116/QĐ-VKSTC ngày 20/9/2024 về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên năm 2024;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng tổng hợp Viện kiểm sát nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng tổng hợp, Kế toán trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Viện KSND tối cao, Cục 3 (để báo cáo);
- Lãnh đạo VKS tỉnh (để chỉ đạo);
- Văn phòng VKS tỉnh (để thực hiện);
- Lưu: VT-KT.

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Phạm Viết Vượng

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình

Chương: 004

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 82/QĐ-VKSTB ngày 30/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó								
				VP VKS tỉnh	VKS Thành phố	VKS Vũ Thư	VKS Hưng Hà	VKS Đông Hưng	VKS Thái Thụy	VKS Tiền Hải	VKS Kiến Xương	VKS Quỳnh Phụ
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**											
1	Số thu phí, lệ phí											
1.1	Lệ phí											
	Lệ phí A											
	Lệ phí B											
1.2	Phí											
	Phí A											
	Phí B											
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại											
2.1	Chi sự nghiệp……											
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
2.2	Chi quản lý hành chính											
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ											
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ											

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó								
				VP VKS tỉnh	VKS Thành phố	VKS Vũ Thư	VKS Hưng Hà	VKS Đông Hưng	VKS Thái Thụy	VKS Tiền Hải	VKS Kiến Xương	VKS Quỳnh Phụ
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN											
3.1	Lệ phí											
	Lệ phí A											
	Lệ phí B											
3.2	Phí											
	Phí A											
	Phí B											
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**-306,3**	**-306,3**	**-22,0**	**-48,1**	**-29,4**	**-33,4**	**-37,1**	**-35,1**	**-33,3**	**-31,9**	**-36,0**
1	Chi quản lý hành chính	-306,3	-306,3	-22,0	-48,1	-29,4	-33,4	-37,1	-35,1	-33,3	-31,9	-36,0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-306,3	-306,3	-22,0	-48,1	-29,4	-33,4	-37,1	-35,1	-33,3	-31,9	-36,0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
2	Nghiên cứu khoa học											
2.1	nhiệm vụ khoa học công nghệ											
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia											
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ											
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở											
2.2	thường xuyên theo chức năng											
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó								
				VP VKS tỉnh	VKS Thành phố	VKS Vũ Thư	VKS Hưng Hà	VKS Đông Hưng	VKS Thái Thụy	VKS Tiền Hải	VKS Kiến Xương	VKS Quỳnh Phụ
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	0,0	0,0	0,0								
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0,0	0,0	0,0								
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình											
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
5	Chi bảo đảm xã hội											
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
6	Chi hoạt động kinh tế											
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường											
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin											

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó								
				VP VKS tỉnh	VKS Thành phố	VKS Vũ Thư	VKS Hưng Hà	VKS Đông Hưng	VKS Thái Thụy	VKS Tiền Hải	VKS Kiến Xương	VKS Quỳnh Phụ
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
9	thanh, truyền hình, thông tấn											
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao											
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên											
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên											
11	Chi Chương trình mục tiêu											
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia											
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)											
2	Chi Chương trình mục tiêu											
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)											